

國會

越南社會主義共和國
獨立－幸福－自由

編號：198/2025/QH15

決議

關於若干特別機制與政策以發展私營經濟

國會

根據《越南社會主義共和國憲法》；

根據已依照第 65/2020/QH14 號法令與第 62/2025/QH15 號法令進行修訂、補充部分條文的第 57/2014/QH13 號《國會組織法》，；

根據第 64/2025/QH15 號《法律文件頒布法》；

決議：

第一章

一般規定

第 1 條. 調整範圍

本決議規定若干特別機制與政策以發展私營經濟。

第 2 條. 適用對象

本決議適用於企業、個體經營戶、從事經營的個人及其他有關的組織或個人。

第 3 條. 術語解釋

1. 創新創業企業是指以實現創意為目的，基於利用智慧財產權、技術及新型商業模式而設立的企業，並具備快速成長的潛力。
2. 個體經營戶是指由個人或家庭成員依法註冊成立的經營形式，並以其全部財產對該經營活動承擔責任。
3. 個人經營者是指從事經營活動並以其全部財產對該經營活動承擔責任的個人。

第二章

改善營商環境

第4條. 關於企業、個體經營戶、個人經營者的稽查檢查、許可認證、市場競爭及資源取得的基本原則

1. 每年對每一企業、個體經營戶、個人經營者（如有）進行稽查的次數不得超過一次，除非有明顯違法跡象。
2. 每年對企業、個體經營戶、個人經營者（如有）進行檢查的次數，包括聯合檢查，不得超過一次，除非有明顯違法跡象。
3. 對於同一國家管理事項，在同一年度內，若已對企業、個體經營戶、個人經營者實施稽查，則不得再進行檢查；反之若已實施檢查，亦不得再行稽查，惟存在明顯違法跡象時不在此限。
4. 對企業、個體經營戶、個人經營者的稽查、檢查計畫與結論，須依法公開。
5. 嚴肅處理濫用或利用檢查、稽查職權騷擾、刁難企業、個體經營戶及個人經營者的行為。
6. 積極應用數位化轉型於稽查、檢查活動中，優先基於電子數據遠程稽查、檢查，減少實地檢查、稽查。
7. 對嚴格遵守法律規定的企業、個體經營戶及個人經營者，可免除實地檢查。
8. 完善法律體系，消除市場准入障礙，確保營商環境通暢、透明、明確、一致、長期穩定、易於遵守、成本低廉。
9. 強力推動從事前審查向事後監督轉型，並同步提升監管效力與效能。將經營條件管理模式由核發許可及認證制度，轉換為公告經營條件結合事後監督機制，惟少數依法規要求及國際慣例必須維持許可程序之特定領域除外。
10. 禁止在資本、土地、自然資源、資產、技術、人力資源、數據等資源要素的調動、分配及利用過程中，對各經濟部門主體實施差別待遇。
11. 對限制競爭、不正當競爭、濫用市場支配地位及濫用壟斷地位的違法行為，應依法嚴肅處理。
12. 嚴禁媒體、報刊、組織或個人進行騷擾、貪腐行為，或散布虛假、不實信息，對企業、企業家、個體經營戶或個人經營者造成不良影響。

第5條. 處理違規與經營爭議的原則

1. 明確區分法人責任與個人責任在處理違規行為中的適用；區分刑事責任、行政責任與



23 Ni Sư Huỳnh Liên, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
G3.21.06 Greenbay, Số 7 ĐL Thăng Long, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
熱 線: +84 933 341 688 微 信: everwinservice LINE: everwin888

民事責任；以及行政責任與民事責任之間的界限。

2. 對於民事及經濟違規案件，應優先採取民事、經濟及行政措施；鼓勵企業、個體經營戶及個人經營者主動糾正違規行為並修復損害。若實際適用法律可能導致刑事處理或非刑事處理兩種結果，則不採取刑事處理。
3. 對於達到刑事處理程度的違規行為，應優先採取主動、及時、全面的經濟損害補救措施，此為司法機關在決定是否啟動刑事訴訟、調查、起訴、審判及後續處理措施的重要依據。
4. 不得溯及既往地適用法律規定對企業、個體經營戶及個人經營者作出不利處理。
5. 若案件中的信息、資料或證據不足以認定存在違法行為，應依照訴訟法律規定儘快作出結論，並公開發布該結論。
6. 在調查、起訴及審判案件的過程中，應確保無罪推定原則。
7. 對涉案資產的封存、扣押、臨時扣留及凍結，必須依照法定權限、程序及範圍進行，不得侵犯組織或個人的合法權益；應確保封存、扣押、臨時扣留及凍結的資產價值與案件預計損害後果相符。應合理採取必要措施，確保涉案資產價值，同時在經司法機關一致同意且不影響調查的前提下，盡量減少對企業生產經營活動的影響。
8. 明確區分合法形成的財產與因違法行為所得的財產及其他涉案財產；同時，在處理違規行為及解決案件時，要區分企業的財產、權利和義務與企業管理者個人的財產、權利和義務。
9. 對物證及資產的處理應及時、有效，不得影響案件的證明及解決；應儘早補救損害後果，恢復資產的活用與使用，以促進發展資源的流通，避免資產流失或浪費；應保障國家利益及組織、個人的合法權益，並符合越南社會主義共和國作為締約國的國際條約。

第六條. 解決企業破產問題

1. 擴大法院依據簡化程序審理及裁決企業破產案件的適用情形及依據。
2. 根據本條第1款規定，以簡化程序處理破產案件時，其處理時間應比普通程序至少縮短30%，且辦理流程和手續應予以簡化。

第三章

取得土地與生產經營場地以及租用公有房產、土地資源的支持



23 Ni Sư Huỳnh Liên, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
G3.21.06 Greenbay, Số 7 ĐL Thăng Long, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
熱 線: +84 933 341 688 微 信: everwinservice LINE: everwin888

第七條. 土地及生產經營場地取得之支持措施

1. 各地可動用地方財政預算，對工業園區、工業聚集區及科技孵化基地的基礎建設提供部分資金支持。支援範圍包括：徵地補償與移民安置；以及交通、供電、供水、排水、污水處理和通訊等基礎設施工程投資。
2. 工業區、工業聚集區及科技孵化基地之基礎設施投資經營業者，依本條第1款規定獲得投資支持者，應預留部分已完成基礎設施建設之土地，供私營經濟領域之高科技企業、中小企業及創新創業企業承租或轉租。由本條第1款規定之投資支持資金所形成之資產，不適用《公有財產管理及使用法》之相關規定。
3. 省級人民委員會應依據實際狀況及地方財政預算平衡能力，制定投資支持之原則、標準與定額，並核定工業區、工業聚集區及科技孵化基地中，依本條第1款及第2款規定預留予私營經濟領域高科技企業、中小企業與創新創業企業承租或轉租之已完成基礎設施建設土地面積。
4. 對於在本決議生效後新設立的工業區、工業聚集區，省級人民委員會應根據實際情況，按以下標準確定各工業區、工業聚集區已完成基礎設施建設的土地面積：平均每個工業區、工業聚集區20公頃，或佔該工業區、工業聚集區總面積的5%，該土地應預留給私營經濟領域的高科技企業、中小企業及創新創業企業承租或轉租。
5. 依本條第4款規定新設立之工業區及工業聚集區，如未獲國家投資支持建設基礎設施系統，且自完成基礎設施建設之日起二年期限屆滿後，仍無私營經濟領域高科技企業、中小企業或創新創業企業承租或轉租者，該工業區及工業聚集區之基礎設施投資經營業者得將土地出租或轉租予其他企業。
6. 私營經濟領域高科技企業、中小企業及創新創業企業，自與工業區、工業聚集區及科技孵化基地之基礎設施投資經營業者簽訂土地租賃合約之日起五年內，獲保障至少30%土地轉租租金減免。此項租金補貼應由國家依政府相關規定返還予投資者，其具體減免幅度由省級人民委員會核定。

第八條. 公有房地產租賃支持措施

1. 國家支持中小企業、產業配套企業及創新企業承租地方閒置公有房地產。
2. 政府規定本條第1款所述之支持原則與適用對象。
3. 省級人民委員會負責規定出租的公有資產清單、支持的標準、幅度、方式，以及各類資產的出租程序與手續，並於當地政府網站上公開發布。

第四章

財政、信貸與政府採購支持

第九條. 財政與信貸支持

1. 私營經濟領域企業、個體經營戶及個人經營者，於實施綠色循環專案並採用環境、社會與治理（ESG）標準框架時，可獲得政府提供之2%年利率貸款補貼。
2. 中小企業發展基金之職能如下：
 - a) 提供中小企業貸款；
 - b) 提供創業貸款；
 - c) 提供創新創業專案及育成中心建設專案之啟動資金；
 - d) 投資地方基金與私募股權基金，以增加中小企業及創新創業企業之資金供給；
 - d) 受理並管理各機構及個人之借貸資金、資助款、捐助款與信託資金，用以支援中小企業。

第十條. 稅費支持

1. 創新創業企業、創業投資基金管理公司與創新創業中介機構，其來自創新創業活動之收入，可享2年企業所得稅免徵，及後續4年稅額減半優惠。免稅與減稅期間之認定，應依《企業所得稅法》規定辦理。
2. 對於轉讓創業企業的股份、出資份額、出資權、購股權與出資份額權所取得的收入，免徵個人所得稅與企業所得稅。
3. 創新創業企業、研發中心、创新中心及中介機構支付予專家與科學家之薪資所得，自領取年度起可享2年免徵個人所得稅，及後續4年稅額減半之優惠。
4. 中小企業自首次取得公司登記證之日起3年內，免徵企業所得稅。
5. 大企業為參與產業鏈的中小企業進行人力培訓與再培訓之費用，得列入可扣除費用，用於計算企業所得稅應稅收入。
6. 自 2026 年 1 月 1 日起，個體經營戶與個人經營者將不再適用定額課稅制，須依《稅務管理法》申報繳稅。
7. 自 2026 年 1 月 1 日起，停止徵收營業執照費。
8. 對於因政府機構重組而需更換、重新辦理的證照、文件，免收手續費與登記費。

第十一條. 招標優惠措施

1. 使用國家預算之工程安裝、貨物採購及貨物供應連同安裝之混合標案，其標案金額不超過200億越南盾者，應保留予中小企業，其中應優先予由青年、婦女、少數民族同胞、身心障礙者主導之企業，以及位於山區、邊境與海島之企業。
2. 若已開展招標程序，但無中小企業符合相關要求，則允許重新進行招標，且無須遵循本條第1款的規定。

第五章

科學、技術、創新、數位化轉型與人力培訓支持

第十二條. 研究、開發與應用科學技術、創新與數位化轉型的支持措施

1. 企業可以從應稅所得中提撥最高20%之金額，作為企業科學技術、創新及數位化轉型發展基金。該基金可用於企業自行實施或委外辦理科技研發、創新項目，並可依「產出計價」機制執行。基金之使用應遵循《企業所得稅法》相關規定。
2. 企業投入的研發支出，在依據政府規定計算企業所得稅應納稅所得額時，可按照該研發活動實際支出金額的 200% 列為可扣除成本。
3. 國家安排資金，免費向小型、微型企業、個體經營戶以及個人經營者提供共用數位平台和會計軟體，具體規定由政府制定。

第十三條. 提升企業管理能力與人力資源素質的支持措施

1. 編列國家預算以執行「至2030年培訓10,000名企業執行長計畫」。
2. 為小型、微型企業、個體經營戶與個人經營者，免費提供部分法律諮詢服務及企業管理、會計、稅務與人力資源等相關培訓課程。

第六章

中型、大型企業與先驅企業之培育支持

第十四條. 國家重點及重要項目之委託訂購、限制性招標與指定承包

1. 國家擴大私營企業參與對經濟社會發展具有重大意義的重點項目及國家級重要項目的範圍，方式包括直接投資、公私合營（PPP）模式，或依照法律規定的其他公私合作形式。
2. 具決策權之主管機關與項目業主，得依據法律規定，選擇採用訂單委託、限制性招標、

指定承包，或其他適當形式，以實施涉及戰略性領域、國家重點科研任務、高速鐵路、城市軌道交通、基礎工業、尖端產業、能源基礎設施、數位基礎建設、綠色交通、國防與安全，以及其他緊急或迫切任務之項目。上述實施應在確保公開透明、品質可靠、進度可控、成效顯著與責任清晰的原則下進行。

第十五條. 培育與發展具有區域與全球影響力的中大型企業及私營經濟集團的支持措施

國家制定計劃並編列預算，通過以下方案支持培育及發展具區域及全球影響力的中大型企業與私營經濟集團：

1. 「1,000家標竿企業發展計畫」：重點扶持科技創新、數位轉型、綠色轉型、高科技產業、配套產業等領域的先驅企業；
2. 「走向國際市場（Go Global）計畫」：提供市場拓展、資金、技術、品牌、通路、物流、保險、諮詢、法律、併購（M&A）、跨國企業對接及商貿糾紛解決等支援。

第七章

施行條款

第十六條. 組織實施

1. 政府、最高人民法院法官委員會、最高人民法院院長、最高人民檢察院檢察長、省級地方政府應依權限詳細規定、指導適用並組織實施本決議，確保各項機制與政策之准入條件便利可行且具實效。
2. 政府、各部會、部級機關、中央與地方其他機關須強化責任制，尤應落實首長責任制，以領導、指導、組織實施、監督及檢查本決議規定之執行情況，確保公開透明、高效可行；嚴禁政策套利、資源流失與浪費行為。
3. 最遲於2026年12月31日前，完成對土地、規劃、投資等相關法律之審查、修訂、補充與完善；持續審查、修訂、補充及完善其他與投資經營相關之法律，以全面制度化2025年5月4日政治局第68-NQ/TW號《關於發展私營經濟之決議》。
4. 責成政府：
 - a) 最遲於2025年12月31日前，完成對不必要、重疊、不適宜且阻礙私營企業發展之經營條件的審查與清理；實現行政手續處理時間至少減少30%、法規遵從成本至少降低30%、經營條件至少精簡30%，並於後續年度持續大幅削減；
 - b) 明確劃分各級、各部門及單位間的權責分工，釐清首長在行政手續處理中的責任；

- c) 建立針對生產經營活動障礙與困難的評估及回饋機制；
- d) 改善中央與地方之間、部委之間以及地方相互間政策執行不一致的現象。
5. 參與制定、頒布及實施本決議所定機制與政策的機關、單位首長及幹部、公務員、職員、勞動者，若已完整履行相關程序與規定，且執行職務過程中無牟取私利行為，但因客觀風險導致損害者，可考慮免除責任。

對執行本決議表現優異的組織與個人，依法予以獎勵。嚴肅處理幹部、公務員在實施本決議過程中的貪腐、套利及刁難行為。

6. 國會、國會常務委員會、越南祖國陣線中央委員會、民族委員會、國會各委員會、國會代表團及國會代表、各級人民議會，應在自身職權範圍內監督本決議之執行情況。

第十七條. 施行條款

1. 本決議自國會通過之日起生效。
2. 若本決議與國會其他法律、決議就同一事項有不同規定，則適用本決議之規定。若其他法律規範性文件規定之機制、政策較本決議更為優惠或便利，則適用該法律規範性文件之規定。

本決議由越南社會主義共和國第十五屆國會於2025年5月17日第九次會議通過。

國會主席

陳清敏

~ 恒利翻譯，謹供參考 ~

Nghị quyết số: 198/2025/QH15

NGHỊ QUYẾT

Về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân

QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

QUYẾT NGHỊ:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo là doanh nghiệp được thành lập để thực hiện ý tưởng trên cơ sở khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới và có khả năng tăng trưởng nhanh.

2. Hộ kinh doanh là loại hình kinh doanh do một cá nhân hoặc các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh của hộ kinh doanh.

3. Cá nhân kinh doanh là cá nhân có thực hiện hoạt động kinh doanh và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh.

Chương II

CẢI THIẾN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động thanh tra, kiểm tra, cấp phép, chứng nhận, cạnh tranh và tiếp cận nguồn lực đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

1. Số lần thanh tra đối với mỗi doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (nếu có) không được quá 01 lần trong năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng.

2. Số lần kiểm tra tại doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (nếu có), bao gồm cả kiểm tra liên ngành, không được quá 01 lần trong năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng.

3. Đối với cùng một nội dung quản lý nhà nước, trường hợp đã tiến hành hoạt động thanh tra thì không thực hiện hoạt động kiểm tra hoặc đã tiến hành hoạt động kiểm tra thì không thực hiện hoạt động thanh tra doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trong cùng một năm, trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng.

4. Kế hoạch, kết luận thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh phải được công khai theo quy định của pháp luật.

5. Xử lý nghiêm các hành vi lạm dụng, lợi dụng thanh tra, kiểm tra để những nhiễu, gây khó khăn cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

6. Ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số trong hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh. Ưu tiên thanh tra, kiểm tra từ xa dựa trên các dữ liệu điện tử; giảm thanh tra, kiểm tra trực tiếp.

7. Miễn kiểm tra thực tế tại doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tuân thủ tốt quy định của pháp luật.

8. Hoàn thiện hệ thống pháp luật, xóa bỏ các rào cản tiếp cận thị trường, bảo đảm môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, rõ ràng, nhất quán, ổn định lâu dài, dễ tuân thủ, chi phí thấp.

9. Thực hiện chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả kiểm tra, giám sát. Chuyển việc quản lý điều kiện kinh doanh từ cấp phép, chứng nhận sang thực hiện công bố điều kiện kinh doanh và hậu kiểm, trừ một số ít lĩnh vực bắt buộc phải thực hiện thủ tục cấp phép theo quy định và thông lệ quốc tế.

10. Không phân biệt đối xử giữa các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế trong huy động, phân bổ và sử dụng các nguồn lực vốn, đất đai, tài nguyên, tài sản, công nghệ, nhân lực, dữ liệu và các nguồn lực tài nguyên khác.

11. Xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với hành vi làm hạn chế cạnh tranh, cạnh tranh không lành mạnh, lạm dụng vị trí thống lĩnh và lạm dụng vị trí độc quyền.

12. Nghiêm cấm cơ quan truyền thông, báo chí, tổ chức, cá nhân có hành vi nhúng nhũn, tiêu cực, đưa thông tin sai lệch, không chính xác, ảnh hưởng đến doanh nghiệp, doanh nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

Điều 5. Nguyên tắc xử lý vi phạm và giải quyết vụ việc trong hoạt động kinh doanh

1. Phân định rõ giữa trách nhiệm của pháp nhân với trách nhiệm của cá nhân trong xử lý vi phạm; giữa trách nhiệm hình sự với trách nhiệm hành chính, trách nhiệm dân sự; giữa trách nhiệm hành chính với trách nhiệm dân sự.

2. Đối với vi phạm, vụ việc về dân sự, kinh tế, ưu tiên áp dụng các biện pháp về dân sự, kinh tế, hành chính trước; các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được chủ động khắc phục vi phạm, thiệt hại. Trường hợp thực tiễn áp dụng pháp luật có thể dẫn đến xử lý hình sự hoặc không xử lý hình sự thì không áp dụng xử lý hình sự.

3. Đối với vi phạm đến mức xử lý hình sự thì ưu tiên các biện pháp khắc phục hậu quả kinh tế chủ động, kịp thời, toàn diện trước và là căn cứ quan trọng để cơ quan tiến hành tố tụng xem xét khi quyết định khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử và các biện pháp xử lý tiếp theo.

4. Không được áp dụng hồi tố quy định pháp luật để xử lý bất lợi cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

5. Đối với vụ việc mà thông tin, tài liệu, chứng cứ chưa đủ rõ ràng để kết luận có hành vi vi phạm pháp luật thì phải sớm có kết luận theo quy định của pháp luật tố tụng, thực hiện công bố công khai kết luận này.

6. Bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử các vụ án.

7. Bảo đảm việc niêm phong, kê biên tạm giữ, phong tỏa tài sản liên quan đến vụ việc, vụ án phải theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục, phạm vi, không xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; bảo đảm giá trị niêm phong, kê biên, tạm giữ, phong tỏa tương ứng với dự kiến hậu quả thiệt hại trong vụ án. Sử dụng hợp lý các biện pháp cần thiết để bảo đảm giá trị tài sản liên quan

đến vụ án, giảm thiểu tác động của điều tra đến hoạt động sản xuất kinh doanh, sau khi có ý kiến thống nhất của các cơ quan tố tụng và không ảnh hưởng đến hoạt động điều tra.

8. Phân biệt rõ tài sản hình thành hợp pháp với tài sản, thu nhập có được từ hành vi vi phạm pháp luật, tài sản khác liên quan đến vụ án; giữa tài sản, quyền, nghĩa vụ của doanh nghiệp với tài sản, quyền, nghĩa vụ của cá nhân người quản lý doanh nghiệp trong xử lý vi phạm và giải quyết vụ việc.

9. Xử lý kịp thời, hiệu quả vật chứng, tài sản nhưng không làm ảnh hưởng đến việc chứng minh, giải quyết vụ việc, vụ án; sớm khắc phục hậu quả thiệt hại, đưa tài sản vào khai thác, sử dụng, nhằm khơi thông nguồn lực phát triển, tránh thất thoát, lãng phí; bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; phù hợp với điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Điều 6. Giải quyết phá sản doanh nghiệp

1. Mở rộng trường hợp, căn cứ để Tòa án xem xét, quyết định việc giải quyết phá sản theo thủ tục rút gọn đối với doanh nghiệp.

2. Việc giải quyết phá sản theo thủ tục rút gọn quy định tại khoản 1 Điều này phải bảo đảm rút ngắn tối thiểu 30% về thời gian và đơn giản hóa trình tự, thủ tục giải quyết so với thủ tục thông thường.

Chương III

HỖ TRỢ TIẾP CẬN ĐẤT ĐAI, MẶT BẰNG SẢN XUẤT KINH DOANH, THUÊ NHÀ, ĐẤT LÀ TÀI SẢN CÔNG

Điều 7. Hỗ trợ tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh

1. Các địa phương được sử dụng ngân sách địa phương để hỗ trợ một phần đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ. Các nội dung được hỗ trợ bao gồm: hỗ trợ thu hồi đất, bồi thường, tái định cư; hỗ trợ đầu tư công trình kết cấu hạ tầng giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải và thông tin liên lạc.

2. Chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ được hỗ trợ đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này phải dành một phần diện tích đất đã đầu tư hạ tầng cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê, thuê lại. Không áp dụng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công đối với tài sản hình thành từ nguồn vốn hỗ trợ đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức hỗ trợ đầu tư và xác định diện tích đất đã đầu tư hạ tầng của khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ dành cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê, thuê lại quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Đối với khu công nghiệp, cụm công nghiệp thành lập mới sau ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào tình hình thực tế, xác định diện tích đất đối với từng khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng bảo đảm bình quân 20 ha/khu công nghiệp, cụm công nghiệp hoặc 5% diện tích đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn để dành cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê, thuê lại.

5. Trường hợp khu công nghiệp, cụm công nghiệp thành lập mới theo quy định tại khoản 4 Điều này mà không được nhận hỗ trợ đầu tư của Nhà nước để xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, sau thời hạn 02 năm kể từ ngày khu công nghiệp, cụm công nghiệp hoàn thành việc đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng mà không có doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê, thuê lại, thì chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp được quyền cho các doanh nghiệp khác thuê, thuê lại.

6. Doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được hỗ trợ giảm tối thiểu 30% tiền thuê lại đất trong vòng 05 năm đầu kể từ ngày ký hợp đồng thuê đất với chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ. Khoản hỗ trợ tiền thuê đất này được Nhà nước hoàn trả cho chủ đầu tư theo quy định của Chính phủ. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định mức giảm tiền thuê lại đất quy định tại khoản này.

Điều 8. Hỗ trợ thuê nhà, đất là tài sản công

1. Nhà nước hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo thuê nhà, đất là tài sản công chưa sử dụng hoặc không sử dụng tại địa phương.

2. Chính phủ quy định nguyên tắc, đối tượng hỗ trợ tại khoản 1 Điều này.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định về danh mục tài sản công cho thuê, tiêu chí, mức hỗ trợ, hình thức hỗ trợ, trình tự, thủ tục cho thuê đối với từng loại tài sản và thực hiện công bố công khai trên trang thông tin điện tử của địa phương.

Chương IV

HỖ TRỢ TÀI CHÍNH, TÍN DỤNG VÀ MUA SẺ CÔNG

Điều 9. Hỗ trợ tài chính, tín dụng

1. Doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được Nhà nước hỗ trợ lãi suất 2%/năm khi vay vốn để thực hiện các dự án xanh, tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị (ESG).

2. Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện các chức năng sau đây:

- a) Cho vay các doanh nghiệp nhỏ và vừa;
- b) Cho vay khởi nghiệp;
- c) Tài trợ vốn ban đầu cho các dự án khởi nghiệp sáng tạo, dự án xây dựng vườn ươm;
- d) Đầu tư vào các quỹ đầu tư địa phương, quỹ đầu tư tư nhân để tăng nguồn cung vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo;
- đ) Tiếp nhận và quản lý nguồn vốn vay, tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác của các tổ chức, cá nhân để hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Điều 10. Hỗ trợ thuế, phí, lệ phí

1. Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong thời hạn 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, công ty quản lý quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Việc xác định thời gian miễn, giảm thuế thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Miễn thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, quyền góp vốn, quyền mua cổ phần, quyền mua phần vốn góp vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

3. Miễn thuế thu nhập cá nhân trong thời hạn 02 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 04 năm tiếp theo đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của chuyên gia, nhà khoa học nhận được từ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, trung tâm nghiên cứu phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

4. Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu.

5. Chi phí đào tạo và đào tạo lại nhân lực của doanh nghiệp lớn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuỗi được tính vào chi phí được trừ để xác định thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

6. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không áp dụng phương pháp khoán thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo pháp luật về quản lý thuế.

7. Chấm dứt việc thu, nộp lệ phí môn bài từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

8. Miễn thu phí, lệ phí cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đối với các loại giấy tờ nếu phải cấp lại, cấp đổi khi thực hiện sắp xếp, tổ chức lại bộ máy nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu

1. Gói thầu xây lắp, mua sắm hàng hóa, gói thầu hỗn hợp cung cấp hàng hóa và xây lắp sử dụng ngân sách nhà nước có giá gói thầu không quá 20 tỷ đồng được dành cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó ưu tiên doanh nghiệp do thanh niên, phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật làm chủ, doanh nghiệp ở miền núi, biên giới, hải đảo.

2. Trường hợp đã tổ chức đấu thầu, nếu không có doanh nghiệp nhỏ và vừa đáp ứng được yêu cầu thì được phép tổ chức đấu thầu lại và không phải áp dụng quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương V

HỖ TRỢ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ ĐÀO TẠO NHÂN LỰC

Điều 12. Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

1. Doanh nghiệp được trích tối đa 20% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để lập quỹ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của doanh nghiệp. Doanh nghiệp được sử dụng quỹ để tự triển khai hoặc đặt hàng bên ngoài nghiên cứu phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo theo cơ chế khoán sản phẩm. Việc sử dụng quỹ này thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ để xác định thu nhập chịu thuế đối với chi phí cho hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp bằng 200% chi phí thực tế của hoạt động này khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ.

3. Nhà nước bố trí kinh phí để cung cấp miễn phí các nền tảng số, phần mềm kế toán dùng chung cho doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh theo quy định của Chính phủ.

Điều 13. Hỗ trợ nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp và chất lượng nguồn nhân lực

1. Bố trí ngân sách nhà nước để triển khai Chương trình đào tạo, bồi dưỡng 10.000 giám đốc điều hành đến năm 2030.
2. Cung cấp miễn phí một số dịch vụ tư vấn pháp lý, đào tạo về quản trị doanh nghiệp, kế toán, thuế, nhân sự cho doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.

Chương VI

**HỖ TRỢ HÌNH THÀNH DOANH NGHIỆP VỪA VÀ LỚN,
DOANH NGHIỆP TIỀN PHONG**

Điều 14. Đặt hàng, đấu thầu hạn chế, chỉ định thầu thực hiện dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia

1. Nhà nước mở rộng sự tham gia của doanh nghiệp thuộc khu vực kinh tế tư nhân vào các dự án trọng điểm có ý nghĩa lớn với phát triển kinh tế - xã hội, dự án quan trọng quốc gia thông qua hình thức đầu tư trực tiếp hoặc đầu tư theo phương thức đối tác công tư hoặc các mô hình hợp tác giữa Nhà nước và tư nhân theo quy định của pháp luật.
2. Người có thẩm quyền, chủ đầu tư được lựa chọn áp dụng một trong các hình thức đặt hàng hoặc đấu thầu hạn chế hoặc chỉ định thầu hoặc hình thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật để thực hiện đối với các lĩnh vực chiến lược, các dự án, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học trọng điểm, quan trọng quốc gia, đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị, công nghiệp nền tảng, công nghiệp mũi nhọn, hạ tầng năng lượng, hạ tầng số, giao thông xanh, quốc phòng, an ninh và những nhiệm vụ khẩn cấp, cấp bách trên cơ sở bảo đảm công khai, minh bạch, chất lượng, tiến độ, hiệu quả và trách nhiệm giải trình.

Điều 15. Hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp vừa và lớn, tập đoàn kinh tế tư nhân tầm cỡ khu vực và toàn cầu

Nhà nước xây dựng chương trình và bố trí ngân sách để triển khai hỗ trợ hình thành và phát triển doanh nghiệp vừa và lớn, tập đoàn kinh tế tư nhân tầm cỡ khu vực và toàn cầu thông qua các chương trình sau:

1. Chương trình phát triển 1.000 doanh nghiệp tiêu biểu, tiên phong trong khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ;
2. Chương trình vươn ra thị trường quốc tế (Go Global) để hỗ trợ về thị trường, vốn, công nghệ, thương hiệu, kênh phân phối, logistics, bảo hiểm, tư vấn, pháp lý, mua bán sáp nhập, kết nối với các tập đoàn đa quốc gia, giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Chính phủ, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, chính quyền địa phương cấp tỉnh theo thẩm quyền quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng và tổ chức thực hiện Nghị quyết này bảo đảm điều kiện tiếp cận, thực hiện cơ chế, chính sách thuận lợi, khả thi, hiệu quả.

2. Chính phủ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan khác ở trung ương và địa phương đề cao trách nhiệm, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức triển khai, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định tại Nghị quyết này, bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả và khả thi; không để trực lợi chính sách, thất thoát, lãng phí.

3. Chậm nhất ngày 31 tháng 12 năm 2026, hoàn thành việc rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật về đất đai, quy hoạch, đầu tư; tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện pháp luật khác liên quan đến đầu tư kinh doanh để thể chế hóa đầy đủ Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

4. Giao Chính phủ:

a) Chậm nhất ngày 31 tháng 12 năm 2025, hoàn thành việc rà soát, loại bỏ những điều kiện kinh doanh không cần thiết, quy định chồng chéo, không phù hợp, cản trở sự phát triển của doanh nghiệp tư nhân; thực hiện giảm ít nhất 30% thời gian xử lý thủ tục hành chính, ít nhất 30% chi phí tuân thủ pháp luật, ít nhất 30% điều kiện kinh doanh và tiếp tục cắt giảm mạnh trong những năm tiếp theo;

b) Thực hiện phân công, phân cấp, phân nhiệm rõ ràng giữa các cấp, các ngành của từng cơ quan, đơn vị, xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu trong giải quyết thủ tục hành chính;

c) Thiết lập cơ chế đánh giá, phản hồi về rào cản, vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh;

d) Khắc phục tình trạng thiếu nhất quán trong thực thi chính sách giữa trung ương và địa phương, giữa các Bộ, ngành và giữa các địa phương với nhau.

5. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia xây dựng, ban hành và triển khai các cơ chế, chính sách quy định tại Nghị quyết này được xem xét loại trừ, miễn trách nhiệm đối với trường hợp đã thực hiện đầy đủ các quy trình, quy định liên quan, không tư lợi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nhưng có thiệt hại do rủi ro khách quan.

Các tổ chức, cá nhân có thành tích trong thực hiện Nghị quyết này được khen thưởng theo quy định của pháp luật. Xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, trục lợi, nhũng nhiễu của cán bộ, công chức trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết này.

6. Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày được Quốc hội thông qua.

2. Trường hợp có quy định khác nhau về cùng một vấn đề giữa Nghị quyết này với luật, nghị quyết khác của Quốc hội thì áp dụng quy định của Nghị quyết này. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật khác có quy định cơ chế, chính sách ưu đãi hoặc thuận lợi hơn Nghị quyết này thì áp dụng theo quy định tại văn bản quy phạm pháp luật đó.

Nghị quyết này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 5 năm 2025.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI



★Trần Thanh Mẫn